

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 33/2013/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2013

THÔNG TƯ**Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của
Thanh tra Cục Hàng không Việt Nam**

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 57/2013/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ Giao thông vận tải, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Thanh tra Cục Hàng không Việt Nam.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Thanh tra Cục Hàng không Việt Nam (sau đây gọi là Thanh tra Cục Hàng không); nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Cục Hàng không Việt Nam (sau đây gọi là Chánh Thanh tra Cục Hàng không); công tác chỉ đạo, điều hành và phối hợp trong hoạt động thanh tra chuyên ngành hàng không dân dụng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với Cục Hàng không Việt Nam, Thanh tra Cục Hàng không, Cảng vụ Hàng không và các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động hàng không dân dụng.

Chương II
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ TỔ CHỨC
CỦA THANH TRA CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Điều 3. Vị trí, chức năng của Thanh tra Cục Hàng không

1. Thanh tra Cục Hàng không là cơ quan của Cục Hàng không Việt Nam, giúp Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam (sau đây gọi là Cục trưởng) thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành hàng không dân dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế về hàng không dân dụng mà Việt Nam là thành viên.

Thanh tra Cục Hàng không chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Cục trưởng và chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về nghiệp vụ thanh tra của Thanh tra Bộ Giao thông vận tải (sau đây gọi là Thanh tra Bộ).

Thanh tra Cục Hàng không có tên giao dịch quốc tế viết bằng tiếng Anh là Civil Aviation Inspectorate, viết tắt là CAI.

2. Thanh tra Cục Hàng không có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước; được sử dụng con dấu của Cục Hàng không Việt Nam theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu.

3. Thanh tra Cục Hàng không được trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, phương tiện để phục vụ hoạt động thanh tra và xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 4. Tổ chức và biên chế của Thanh tra Cục Hàng không

1. Thanh tra Cục Hàng không có Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra, thanh tra viên và công chức.

Chánh Thanh tra Cục Hàng không do Cục trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Chánh Thanh tra Bộ Giao thông vận tải (sau đây gọi là Chánh Thanh tra Bộ). Phó Chánh Thanh tra Cục Hàng không do Cục trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Chánh Thanh tra Cục Hàng không.

2. Biên chế của Thanh tra Cục Hàng không thuộc biên chế hành chính của Cục Hàng không Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải giao.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Cục Hàng không

1. Giúp Cục trưởng xây dựng kế hoạch thanh tra hàng năm trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt; hướng

dẫn xây dựng, tổng hợp và trình Cục trưởng phê duyệt kế hoạch thanh tra của các Cảng vụ Hàng không.

2. Thanh tra đối với tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành pháp luật chuyên ngành hàng không dân dụng, quy định về chuyên môn, kỹ thuật, quy tắc quản lý ngành theo pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế về hàng không dân dụng mà Việt Nam là thành viên, trong các lĩnh vực sau đây:

- a) Bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không;
- b) Tàu bay; đủ điều kiện bay; bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay; khai thác tàu bay;
- c) Quản lý và khai thác cảng hàng không, sân bay; duy trì tiêu chuẩn, điều kiện kỹ thuật cảng hàng không, sân bay; cung cấp dịch vụ hàng không, dịch vụ phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay; duy trì tiêu chuẩn, điều kiện của phương tiện, thiết bị hoạt động trong cảng hàng không, sân bay;
- d) Bảo vệ môi trường trong hoạt động hàng không;
- đ) Bảo đảm hoạt động bay;
- e) Hoạt động khai thác vận chuyển hàng không và hàng không chung;
- g) Quản lý, bố trí, sử dụng và kỷ luật nhân viên hàng không;
- h) Đào tạo, huấn luyện nhân viên hàng không;
- i) Giám định sức khỏe nhân viên hàng không;
- k) Phí, lệ phí; giá dịch vụ hàng không và dịch vụ phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay;
- l) Các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng.

3. Phát hiện, lập biên bản, áp dụng các biện pháp ngăn chặn, quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

4. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý sau thanh tra chuyên ngành, xử phạt vi phạm hành chính.

5. Kiến nghị hoặc trình cấp có thẩm quyền hoàn thiện chính sách, pháp luật về quản lý chuyên ngành hàng không dân dụng; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền đình chỉ việc thi hành hoặc hủy bỏ những quy định trái pháp luật được phát hiện qua công tác thanh tra; kiến nghị áp dụng các biện pháp xử lý và khắc phục những vi phạm trong hoạt động hàng không dân dụng.

6. Giúp Cục trưởng tổ chức tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng.

7. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về: công tác thanh tra; xử phạt vi phạm hành chính; tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng.